TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ

2. Ông Luân Văn Lý

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hà Trưng - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Luyện Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 162/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/HNGĐ ST-QĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị N - Sinh năm 1985; Dân tộc: Nùng;

Cư trú tại: Tổ MM, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Vũ Viết T - Sinh năm 1982; Dân tộc: Kinh;

Cư trú tại: Tổ MM, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 26/9/2017, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Thạch Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị N và anh Vũ Viết T kết hôn vào ngày 21/01/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 08/02/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn

TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới chị N là thợ may và anh T làm lao động tự do.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghi ngờ, ghen tuông và anh T thường xuyên đánh đập chị N, tháng 10/2016 anh T có hành vi dùng dao đe dọa, gây thương tích cho chị N và bị Công an thành phố Cao Bằng lập biên bản và phạt hành chính. Chị N đã từng làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng vào tháng 5/2016, do nghĩ lại vì con cái nên chị N đã rút đơn vào cuối năm 2016. Vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần và đều không đạt kết quả. Chị N đã nộp đơn ly hôn tại tòa vào năm 2016, nhưng do suy nghĩ lại và cho anh T cơ hội sửa chữa nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh T vẫn không sửa được tính cách, nhiều lần uống rượu say chửi bới, đánh đập và đập phá đồ đạc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Do đó, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu tòa giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị N, anh T có 01 con chung tên là Vũ Thạch Hồng N (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 10/12/2012, sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, yêu cầu anh T có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2017 chị N có yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 40m2 xây trên diện tích đất 209m2 tại tổ MM, phường SB, thành phố CB. Giá trị nhà và đất khoảng 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị N đã thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản chung, để cho các bên tự thỏa thuận theo "Đơn xin yêu cầu rút đơn chia tài sản" đề ngày 15/11/2017 chị N đã gửi cho Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai của anh Vũ Viết T và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Viết T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T nhất trí với ý kiến của chị N về điều kiện và thời gian kết hôn. Tuy nhiên, về yêu cầu ly hôn của chị N: Anh T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị N có quan hệ tình cảm với người khác, ngoài ra nguyên nhân mâu thuẫn còn do quan hệ giữa chị N và mẹ đẻ anh T không tốt đẹp. Anh T thừa nhận có vài lần được đánh chị N và Công an thành phố Cao Bằng có có lập biên bản vào thàng 8/2017, xử phạt hành chính về hành vi của anh T. Tuy nhiên, chỉ là xô xát nhẹ và do nóng giận nên đã gây thương tích cho chị N, hành vi này đã bị công an xử phạt hành chính số 163/QĐ-XPHC ngày 14/10/2016. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn, yêu cầu quay về đoàn tụ.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị N, anh T có 01 con chung tên là Vũ Thạch Hồng N (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 10/12/2012, sau khi ly hôn anh T nhất trí cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh T có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh T nhất trí với đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của chị N, trong trường hợp ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của chị N, anh T sinh sống cho thấy: Chị N, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi vã nhau, anh T nhiều lần đánh đập chị N và tổ dân phố đã tham gia can thiệp nhưng không thành. Có lần anh T đuổi chị N ra khỏi nhà và sự việc được mẹ đẻ anh T báo cáo đến tổ dân phố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, anh T đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích cho chị N, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung: Hai bên đã thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Chị N rút yêu cầu chia tài sản chung và anh T nhất trí tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không giải quyết trong vụ án này và các đương sự có thể khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình khác khi có đơn khởi kiện. Trên đây là quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án này, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ban hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

1.Về mặt tố tụng: Bà Thạch Thị N viết đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung" với ông Vũ Viết T, cả hai đương sự đều cư trú tại Tổ MM, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

2.Về hôn nhân: Chị Thạch Thị N và anh Vũ Viết T kết hôn vào ngày 21/01/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới

ở hai bên gia đình, ngày 08/02/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Thạch Thị N và anh Vũ Viết T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

3. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Vợ chồng chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người khác, quan hệ giữa chị N và mẹ đẻ của anh T không tốt, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T nhiều lần đánh đập. Anh T có hành vi dùng dao gây thương tích cho chị N và bị Công an thành phố Cao Bằng xử phạt hành chính theo quyết định số 136/QĐ-XPHC ngày 14/10/2016, từ đó cho đến nay anh T không thay đổi tính cách và thường xuyên xô xát với chị N. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn. Còn anh T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và yêu cầu được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người khác nhưng không cung cấp căn cứ, chứng cứ và cũng không yêu cầu tòa xác minh. Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của chị N, anh T sinh sống thì cho thấy: Chị N, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi vã nhau, anh T nhiều lần đánh đập chị N và tổ dân phố đã tham gia can thiệp nhưng không thành. Thực tế, anh T thường xuyên đi làm xa, sau khi vụ án thụ lý tại tòa, Tòa án hòa giải cho các bên quay về đoàn tụ và anh T cũng khai còn tình cảm nhưng đến thời điểm hiện tại không có biện pháp nào để khắc phục tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến nhau. Trong khi đó, quyền và nghĩa vụ vợ chồng được quy định trong Luật hôn nhân gia đình, tại Điều 19 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định*: "Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, chị N, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bổn phận của người đó, mặc vợ (chồng) sống ra sao thì sống. Mặt khác, anh T đã xảy ra hành vi bạo lực đối với chị N là vi phạm nghĩa vụ của người chồng và đáng lên án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ giữa Chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã được hòa giải nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả và thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do đó, cho chị N và anh T ly hôn theo yêu cầu của chị N và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

4. Về con chung: Chị Thạch Thị N và anh Vũ Viết T có 01 con chung tên là Vũ Thạch Hồng N (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 10/12/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự thống nhất: Chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh T có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, chị N và anh T đã thỏa thuận được với nhau về phần nuôi con chung, sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật và cần được chấp nhận.

5. Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 26/9/2017 chị N có yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 40m2 xây trên diện tích đất 209m2 tại Tổ MM, phường SB, thành phố CB. Giá trị nhà và đất khoảng 500.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho chị N nộp tiền tạm ứng án phí đối với phần chia tài sản này. Tuy nhiên, chị N đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản chung, để cho các bên tự thỏa thuận theo "Đơn xin yêu cầu rút đơn chia tài sản" đề ngày 15/11/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T nhất trí với đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, để các bên tự thỏa thuận. Xét thấy, căn cứ vào Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có quyền thay đổi, sửa đổi nội dung khởi kiện, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết, trong vụ án này bà N rút yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện; Hội đồng xét xử có thẩm quyền đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung mà bà N đã rút theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự; không đặt ra xem xét trong vụ án này và được giải quyết trong vụ án về hôn nhân gia đình khác nếu các bên có đơn khởi kiện.

Nợ chung, nợ riêng: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét do hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu tòa án giải quyết

6. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho việc khởi kiện ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Án phí chia tài sản chung: Do đương sự đã rút yêu cầu, do đó xử lý tiền tạm ứng án phí được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27; Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thạch Thị N và anh Vũ Viết T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Vũ Thạch Hồng N (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 10/12/2012 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh T có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung theo định kỳ là 1.000.000 đồng/ tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Thạch Thị N, không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết trong vụ án này. Các bên đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án về hôn nhân gia đình khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Thạch Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 12.300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, theo số biên lai AA/2016/0000206 ngày 16/10/2017. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Anh Vũ Viết T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để sung công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Na